

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-PT

Ngày 01/3/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Truyền

Bà Vi Thị Tuyết Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lục Thị Ánh Nguyệt

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2022/DSPT ngày 18/11/2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt. Địa chỉ: Tòa nhà Thaihodings, số 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Bình Ng, sinh năm 1985, chuyên viên xử lý nợ - Phòng hỗ trợ hoạt động Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh tỉnh BK (Văn bản ủy quyền số 239/2022/UQ LPB.CNBK, ngày 04 tháng 5 năm 2022. Ông Ng có mặt).

**2. Bị đơn:**

- Anh **Hà Văn A**, sinh năm 1987. Địa chỉ nơi cư trú theo địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng là: Tổ 7, thị trấn CM (nay là thị trấn Đ), huyện CM, tỉnh BK. Nơi ĐKKTT hiện nay: Thôn BC, xã C, huyện B, tỉnh BK. (Vắng mặt không có lý do).

- Chị **Triệu Thị Th**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện CM, tỉnh BK. (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 30/11/2017, Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số HD10330111704260 với anh Hà Văn A và chị Triệu Thị Th. Theo hợp đồng này, anh A và chị Th đã vay số tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời

hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay là 10,75%/năm tại thời điểm giải ngân, cùng ngày 30/11/2017 Ngân hàng đã giải ngân khoản tiền này cho anh A. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Sau khi giải ngân, về cơ bản thì anh A và chị Th thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, cụ thể: tính đến ngày 08/12/2021 anh A, chị Th đã trả được tổng số tiền nợ gốc là 152.666.674đ và tính đến ngày 15/9/2021 anh A, chị Th đã trả được tổng số tiền lãi là: 37.501.308 đ. Sau đó, anh A, chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn, khoản vay của anh A, chị Th đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2021, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để anh A, chị Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh A, chị Th vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng đã ký kết.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: tính đến ngày 07/4/2022, anh Hà Văn A và chị Triệu Thị Th còn nợ Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi là: 50.629.559<sup>d</sup> (*Năm mươi triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi chín đồng*), trong đó: nợ gốc 47.333.326 đồng, nợ lãi trong hạn 2.282.444 đồng, nợ lãi quá hạn 1.013.789 đồng và yêu cầu anh A, chị Th phải trả số tiền này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ngân hàng yêu cầu anh A, chị Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 29/9/2022 tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi là: 54.410.000<sup>d</sup> (*Năm mươi tư triệu, bốn trăm mười nghìn đồng*), trong đó: nợ gốc 47.333.326 đ (*Bốn mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng*), nợ lãi trong hạn 3.466.426 đồng (*Ba triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng*), lãi phạt quá hạn 3.610.248 đồng (*Ba triệu, sáu trăm mười nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng*) theo nguyên tắc chia đôi mỗi người 01 nửa số tiền trên; cụ thể là anh A, chị Th mỗi người phải trả tổng số tiền cả gốc và lãi là: 27.205.000đ (*Hai mươi bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng*).

**\* Bị đơn Triệu Thị Th trình bày:**

Cuối năm 2017, anh A (Chồng chị Th) bàn với chị là làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng Liên Việt để lấy tiền mua đất làm nhà và chị đồng ý. Khoản vay được bảo đảm bằng thu nhập của anh A. Theo sự hướng dẫn của Ngân hàng, chị phải ký vào trong Hợp đồng vay cùng anh A thì mới được vay tiền, do đó chị cùng anh A đã ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Liên Việt để vay số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), các thông tin về số hợp đồng, ngày ký kết hợp đồng, thời hạn vay, lãi suất vay cùng các nội dung khác của hợp đồng thì chị không nhớ. Sau khi ký kết hợp đồng xong, chị không thấy Ngân hàng thực hiện bước nào tiếp theo, không thấy thực hiện giải ngân cho vợ chồng chị. Khoảng 01 tháng sau khi ký kết hợp đồng, chị có hỏi anh A thì chị mới biết là Ngân hàng đã giải ngân tiền cho anh A và anh A đã dùng toàn bộ số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) để trả khoản nợ riêng của anh A. Quá trình sau đó, việc thực hiện hợp đồng đã ký kết hoàn toàn do anh A làm việc với Ngân hàng, từ việc trả gốc, trả lãi, chuyển sang nợ xấu, quá trình đó Ngân hàng đều làm việc với anh A, chị không biết bất cứ vấn đề gì liên quan đến việc thực hiện hợp đồng vay 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) này. Đến năm 2018 anh A nghỉ việc, chị được anh A ủy quyền nhận các khoản tiền được hưởng theo chế độ của anh A, sau khi

nhận được tiền, chị đã dùng số tiền này để thay anh A trả cho Ngân hàng Liên Việt 150.000.000đ. Sau đó, đến cuối năm 2021 thì thấy Ngân hàng làm việc với chị về việc khoản vay 200.000.000đ chuyển sang nợ xấu và yêu cầu chị thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Bản thân chị nhận thức được khi ký hợp đồng thì chị và anh A ký với tư cách là bên vay, nên chị có quyền và nghĩa vụ của bên vay. Chị cũng là người vay, là người ký hợp đồng vay và phải chịu trách nhiệm về khoản vay 200.000.000đ, tuy nhiên trên thực tế chị đã không được nhận bất cứ khoản tiền nào từ hợp đồng đã ký kết. Việc Ngân hàng Liên Việt giải ngân cho riêng anh A không đảm bảo được việc chị thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Nay, chị xác định khoản vay trên là nợ riêng của anh A. Chị không có nghĩa vụ đối với khoản vay 200.000.000 đồng này. Chị không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc chị có nghĩa vụ trả nợ.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 29/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt:

1.1. Buộc anh Hà Văn A và chị Triệu Thị Th phải liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2022 là: 54.410.000<sup>d</sup> (*Năm mươi tư triệu, bốn trăm mười nghìn đồng*), trong đó: nợ gốc 47.333.326 đ (*Bốn mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng*), nợ lãi trong hạn 3.466.426 đồng (*Ba triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng*), lãi phạt quá hạn 3.610.248 đồng (*Ba triệu, sáu trăm mười nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng*), cụ thể theo phần bằng nhau như sau: anh A phải trả tổng số tiền là 27.205.000đ (*Hai mươi bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng*), chị Th phải trả tổng số tiền là 27.205.000đ (*Hai mươi bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng*).

1.2. Anh Hà Văn A và chị Triệu Thị Th phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc theo phần của mình cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, chị Triệu Thị Th kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

*Bị đơn Triệu Thị Th có ý kiến:* Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Yêu cầu HĐXX sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST, ngày 29/9/2022 của TAND huyện Chợ Mới theo hướng buộc anh Hà Văn A phải trả toàn bộ số tiền còn nợ theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP Liên Việt, chi nhánh tỉnh BK với lý do:

Chị Th không được ký nhận tiền khi Ngân hàng giải ngân, không biết việc Ngân hàng giải ngân và không được sử dụng số tiền 200.000.000 đồng. Việc ký nhận tiền và sử dụng tiền chỉ do anh A thực hiện.

Quá trình làm thủ tục vay vốn chị Th không ủy quyền cho anh A nhận tiền từ Ngân hàng và không được ủy quyền cho anh A ký vào Biên bản kiểm tra vốn vay và số tiền này anh A không sử dụng để sửa nhà ở như phần mục đích cho vay trong hợp đồng tín dụng.

Chị Th khẳng định đây không phải là khoản vay nợ chung của chị và anh A với ngân hàng.

*Nguyên đơn có ý kiến:* Ngày 30/11/2017 Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số HD10330111704260 với anh Hà Văn A và chị Triệu Thị Th. Theo hợp đồng này, anh A và chị Th đã vay số tiền gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay là 10,75%/năm tại thời điểm giải ngân, cùng ngày 30/11/2017 Ngân hàng đã giải ngân khoản tiền này cho anh A. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Sau khi giải ngân, về cơ bản thì anh A và chị Th thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, cụ thể: tính đến ngày 08/12/2021 anh A, chị Th đã trả được tổng số tiền nợ gốc là 152.666.674đ và tính đến ngày 15/9/2021 anh A, chị Th đã trả được tổng số tiền lãi là: 37.501.308 đ. Sau đó, anh A, chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn, khoản vay của anh A, chị Th đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/10/2021, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để anh A, chị Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh A, chị Th vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ngân hàng yêu cầu anh A, chị Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 29/9/2022 tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi là: 54.410.000đ (*Năm mươi tư triệu, bốn trăm mười nghìn đồng*), trong đó: nợ gốc 47.333.326 đ (*Bốn mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng*), nợ lãi trong hạn 3.466.426 đồng (*Ba triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng*), lãi phạt quá hạn 3.610.248 đồng (*Ba triệu, sáu trăm mười nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng*) theo nguyên tắc chia đôi mỗi người 01 nửa số tiền trên; cụ thể là anh A, chị Th mỗi người phải trả tổng số tiền cả gốc và lãi là: 27.205.000đ (*Hai mươi bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng*).

Tại Hợp đồng tín dụng đã xác định chị Th là “Người đồng trách nhiệm trả nợ” cũng chính là bên vay. Quá trình ngân hàng giải ngân số tiền vay anh A đã ký với tư cách “Đại diện bên vay” do đó vẫn bảo đảm quyền lợi của chị Th. Sau khi giải ngân Ngân hàng đã kiểm tra việc sử dụng vốn vay theo quy định, tại thời điểm kiểm tra vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay. Đây là khoản nợ chung của anh A và chị Th do đó Ngân hàng yêu cầu anh A và chị Th chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản vay này. Đề nghị HĐXX giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

#### ***Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

*Về thủ tục tố tụng:* Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn là chị Th thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh Hà Văn A không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án phần nào ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

*Về nội dung:*

Ngày 30/11/2017 anh Hà Văn A và chị Triệu Thị Th đã ký hợp đồng tín dụng số 0330111704260 với ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, vay số tiền gốc là 200.000.000<sup>d</sup> (Hai trăm triệu đồng); thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay 10,75 %/năm tại thời điểm giải ngân.

Việc thiết lập, thỏa thuận khi vay tiền đều do các bên giao dịch và ký kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ai áp buộc, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Thời điểm ký kết hợp đồng chị Th và anh A là vợ chồng hợp pháp. Anh A đã nhận đủ số tiền vay. Chị Th cho rằng chị không trực tiếp nhận tiền giải ngân và không ký xác nhận tại các biên bản kiểm tra mục đích vay vốn, chị không được sử dụng số tiền này tuy nhiên chị Th biết được khoản vay này và đồng ý cho anh A vay khoản tiền này, anh A đã nhận đủ số tiền vay, giao dịch này được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân nên đây là khoản nợ chung của chị Th và anh A do đó anh A, chị Th phải có trách nhiệm, nghĩa vụ liên đới trả nợ đối với ngân hàng theo quy định tại Điều 37, Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 288/BLDS. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Triệu Thị Th; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST, ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

##### **[I] Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Bị đơn là anh Hà Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3, Điều 296/BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Hà Văn A.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn Triệu Thị Th: làm trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

##### **[III]. Về nội dung:**

Ngày 30/11/2017 anh Hà Văn A và chị Triệu Thị Th đã ký hợp đồng tín dụng số HD10330111704260 với Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, vay số tiền gốc là 200.000.000<sup>d</sup> (Hai trăm triệu đồng); thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay 10,75 %/năm tại thời điểm giải ngân. Hợp đồng được ký kết đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Theo hợp đồng đã ký kết, anh A đã rút vốn vay 200.000.000<sup>d</sup> (Hai trăm triệu đồng).

Đến ngày 08/12/2021 anh A, chị Th đã trả được tổng số tiền nợ gốc là 152.666.674đ (Một trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi tư đồng) và tính đến ngày 15/9/2021 anh A, chị Th đã trả được tổng số tiền lãi là: 37.501.308 đ (Ba mươi bảy triệu, năm trăm linh một nghìn, ba trăm linh tám đồng), sau đó anh A, chị Th đã vi phạm hợp đồng không trả gốc và lãi cho ngân hàng. Ngân hàng đã ra thông báo và đôn đốc anh A, chị Th trả nợ nhiều lần nhưng anh A, chị Th không trả được nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th cho rằng: Theo sự hướng dẫn của Ngân hàng, chị phải ký vào trong Hợp đồng vay cùng anh A thì mới được vay tiền, do đó chị cùng anh A đã ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Liên Việt để vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Sau khi ký kết hợp đồng xong, chị

không thấy Ngân hàng thực hiện bước nào tiếp theo, không thấy thực hiện giải ngân cho vợ chồng chị. Khoảng 01 tháng sau khi ký kết hợp đồng, chị có hỏi anh A thì chị mới biết là Ngân hàng đã giải ngân tiền cho anh A và anh A đã dùng toàn bộ số tiền 200.000.000đ để trả khoản nợ riêng của anh A. Quá trình sau đó, việc thực hiện hợp đồng đã ký kết hoàn toàn do anh A làm việc với Ngân hàng, từ việc trả gốc, trả lãi, chuyển sang nợ xấu, quá trình đó Ngân hàng đều làm việc với anh A, chị không biết bất cứ vấn đề gì liên quan đến việc thực hiện hợp đồng vay 200.000.000đ này.

Đối với ý kiến của chị Th, HĐXX thấy: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc chị Th không được ký nhận khoản tiền giải ngân 200.000.000đ từ ngân hàng nhưng chị Th cho rằng anh A đã dùng toàn bộ số tiền 200.000.000đ để trả khoản nợ riêng của anh A là không có căn cứ, vì sau khi anh A nhận khoản tiền này thì anh A và chị Th sử dụng khoản tiền này vào mục đích gì và sử dụng như thế nào thì không có tài liệu, căn cứ để đánh giá, chị Th không có tài liệu gì chứng minh là chị không được sử dụng khoản tiền này và cũng không có tài liệu gì chứng minh là anh A đã sử dụng riêng khoản tiền này. Quá trình giải quyết vụ án chị Th vẫn khẳng định bản thân nhận thức được khi ký hợp đồng thì chị và anh A ký với tư cách là bên vay, nên chị có quyền và nghĩa vụ của bên vay.

Tại Giấy cam kết đề ngày 08/8/2018 do chị Th viết: “...*Nội dung cam kết: Tôi là Triệu Thị Th – vợ của ông Hà Văn A, nay chồng tôi là ông Hà Văn A có ý định xin ra quân. Chồng tôi đã uỷ quyền toàn bộ việc hưởng chế độ theo quy định của BHXH và lực lượng vũ trang. Hai vợ chồng tôi đã đi đến thống nhất, toàn bộ khoản tiền hưởng chế độ theo quy định sẽ cam kết để thanh toán hết số tiền hai vợ chồng tôi đang vay tại NH Liên Việt...*”.

Chị Th nêu ý kiến nội dung chị viết trong Giấy cam kết với Ngân hàng là do cán bộ Ngân hàng đọc cho chị viết và chị chỉ cam kết dùng toàn bộ số tiền đó thay mặt anh A trả nợ Ngân hàng.

HĐXX xét thấy, tại thời điểm viết nội dung cam kết chị Th khẳng định hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

Tại Điều 463/BLDS quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Điều 37/Luật HNGĐ quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau:

“*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:*

*Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập...*”

Điều 288/BLDS quy định về thực hiện nghĩa vụ liên đới như sau:

“*1. Nghĩa vụ liên đới là nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ.*

*2. Trường hợp một người đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu những người có nghĩa vụ liên đới khác phải thực hiện phần nghĩa vụ liên đới của họ đối với mình.*

...”

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Th không đưa ra được bất cứ tài liệu nào chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định: Việc anh A, chị Th ký kết hợp đồng vay tiền với Ngân hàng là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hợp đồng tín dụng thể hiện rõ người đồng trách nhiệm trả nợ là bà Triệu Thị Th (sau đây gọi tắt là bên vay), khi ký hợp đồng chị Th hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó chị Th phải chịu trách nhiệm về những thoả thuận trong hợp đồng đã ký.

Căn cứ vào các quy định trên, xét thấy: Thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng và quá trình thực hiện hợp đồng thì chị Th và anh A là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2012 tại UBND xã Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Đến thời điểm xét xử chị Th và anh A đã ly hôn theo bản án số 06/2022/HNGĐ – ST, ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, theo bản án này thì về tài sản chung và vay nợ chung do chị Triệu Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét). Chị Th và anh A đã tự nguyện thoả thuận xác lập giao dịch (Hợp đồng tín dụng) trong thời kỳ hôn nhân nên đây là khoản nợ chung của chị Th và anh A, do vậy khi đến hạn trả nợ, chị Th và anh A vi phạm hợp đồng thì Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh A và chị Th có nghĩa vụ phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho ngân hàng là có căn cứ, đúng quy định, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Hà Văn A và chị Triệu Thị Th phải có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số tiền gốc và lãi suất còn nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ngân hàng yêu cầu anh A, chị Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho ngân hàng số tiền vay tính đến ngày 29/9/2022 tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi là: 54.410.000<sup>d</sup> (*Năm mươi tư triệu, bốn trăm mười nghìn đồng*), trong đó: nợ gốc 47.333.326 đ (*Bốn mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng*), nợ lãi trong hạn 3.466.426 đồng (*Ba triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng*), lãi phạt quá hạn 3.610.248 đồng (*Ba triệu, sáu trăm mười nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng*) theo nguyên tắc chia đôi mỗi người 01 nửa số tiền trên; cụ thể là anh A, chị Th mỗi người phải trả tổng số tiền cả gốc và lãi là: 27.205.000đ (*Hai mươi bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng*).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá đầy đủ chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Triệu Thị Th không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì do đó kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

### **[III] Về án phí:**

Chị Triệu Thị Th là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho chị Th theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 26, Điều 38, Điều 148, khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 12, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

**1.** Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Triệu Thị Th, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh BK

**2.** Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn Triệu Thị Th được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho chị Triệu Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001909 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND huyện Chợ Mới
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS Chợ Mới;
- Cục THDS tỉnh Bắc Kạn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Thúy**